

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/HS-ST
Ngày 12-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn
2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2018/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Hoài H, sinh năm 1991 tại tỉnh G; thường trú: Ấp P, xã L, huyện Phú T, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1948 và bà Châu Thị H, sinh năm 1952; bị cáo chưa có vợ, con; bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: Không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2018 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh N. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn H, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 40/9, tổ 19C, thôn A, xã H, Tp.B, tỉnh N. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp 9, xã D, huyện Đ, tỉnh M. Vắng mặt.

2. Ông Trần Sỹ Q, sinh năm 1936, địa chỉ: Số 20/12 tổ 12, khu phố TA, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 ngày 07/3/2018, Phạm Hoài H đã nhậu xong tại phòng trọ thuộc dãy trọ số 184/8 khu phố B, phường Đ, thị xã D, tỉnh B của anh Nguyễn Văn T. Sau đó, H đi ra ngoài mua đồ còn anh T đóng cửa phòng trọ để ngủ. Mua đồ xong, H quay lại khu nhà trọ của anh T thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng Super Dream màu nâu biển số 60B1- 596.45 của anh Nguyễn Văn Ng dựng ở ngoài hành lang của dãy trọ, đối diện phòng trọ của anh T. H lên xe biển số 60B1- 596.45 ngồi chơi. Nhìn quanh không có người, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B1- 596.45 bán lấy tiền tiêu xài, H quay đầu xe, dẫn bộ ra khỏi dãy nhà trọ, rồi dẫn về phòng trọ của Hận tại tổ 12, khu phố T A, phường Đ, thị xã D, tỉnh B để cất giấu nhưng dãy trọ đã đóng cửa. H tiếp tục dẫn xe đến khuôn viên dãy trọ của ông Trần Sỹ Qu tại 20/12 tổ 12, khu phố TA, phường Đ, thị xã D, tỉnh B cất giấu rồi đi ra ngoài dãy nhà trọ đứng. Khoảng 15 phút sau, anh T gọi điện cho H nói ở khu trọ của anh T có mất một xe mô tô kiểu dáng Super Dream biển số 60B1- 596.45, hỏi H có lấy xe không, H nói không lấy. Anh T và anh Ng đến chờ H về phòng trọ của anh T để hỏi thì H cũng không thừa nhận là đã lấy xe của anh Ng và đi về phòng trọ của mình. Sau khi kiểm tra camera của dãy trọ, anh T phát hiện H đã lấy xe của anh Ng nên yêu cầu H mang xe đến trả. Lúc này, H thừa nhận đã lấy trộm xe của anh Ng và hứa sẽ đem trả xe cho anh Ng. Khi H đến dãy nhà trọ của ông Q thì ông Q đã phát hiện xe này để ở khu trọ của mình và ông Q không đồng ý giao xe cho H vì không biết rõ là xe của ai. Ông Q báo cho công an phường mời H về làm việc và lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 44/BB.ĐG ngày 16/3/2018 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng super Dream màu nâu biển số 60B1-596.45, trị giá 10.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng super Dream màu nâu biển số 60B1-596.45 và 01 thẻ nhớ lưu đoạn video ghi lại quá trình H chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B1-596.45

Về trách nhiệm dân sự: Đối với xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng super Dream màu nâu biển số 60B1-596.45 là của anh Phan Văn H, sinh năm 1977. Thường trú: Số 40/9, tổ 19C, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh N là anh rể của anh Nguyễn Văn Ng đứng tên chủ sở hữu, anh H cho anh Ng mượn làm phương tiện đi lại nên Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã trả lại cho anh H. Anh Ng không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Tại cáo trạng số 144/CT-VKS ngày 14 tháng 5 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố Phạm Hoài H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Hoài H với mức hình phạt tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu lưu hồ sơ 01 thẻ nhớ lưu đoạn video ghi lại quá trình H chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B1-596.45

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hoài H xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại và những người làm chứng cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 22 giờ 15 ngày 07/3/2018, tại dãy trọ số 184/8 khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh B, Phạm Hoài H đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng super Dream màu nâu biển số 60B1-596.45 của anh Nguyễn Văn Ng trị giá 10.000.000 đồng. Hành vi của Phạm Hoài H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cáo trạng số 144/CT -

VKS ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, có cha được tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhì.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Hận có nhân thân tốt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại. Bị hại không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo H là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hoài H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Hoài H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2018.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên tịch thu lưu hồ sơ 01 thẻ nhớ lưu đoạn video ghi lại quá trình H chiếm đoạt xe mô tô biển số 60B1-596.45.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Hoài H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã D (1);
- Công an thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- Sở Tư pháp tỉnh B (1);
- Bị cáo (1);
- Người tham gia tố tụng (2);
- UBND xã L, huyện P, tỉnh G (1);
- Phòng PV 27 CA tỉnh B (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh B(01);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

